

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2019



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014 có hiệu lực thi hành từ 01/7/2015;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sài Gòn;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 (đã kiểm toán) và tình hình hoạt động năm 2018 của Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ Sài Gòn;

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Ban kiểm soát xin báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo tài chính và công tác quản lý điều hành của Công ty năm 2018 như sau:

I. Về công tác tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Về công tác tổ chức của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ Sài Gòn hiện nay được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm bầu, gồm 03 thành viên:

- Ông Phạm Ngọc Toàn - ĐDV của Tổng Cty TMSG - Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 20/01/2017;
- Bà Trịnh Thị Giáng Châu - ĐDV của Tổng Cty TMSG – là thành viên từ ngày 26/04/2018;
- Ông Ngô Đình Thuận, là thành viên từ ngày 05/02/2018;
- Ông Lê Quang Liêm là thành viên từ ngày 01/12/2016 đến ngày 26/04/2018.

2. Về hoạt động của Ban Kiểm soát

- Tham gia các phiên họp của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông năm 2018, có ý kiến về kế hoạch và tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, về việc chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2018;

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, xem xét và cho ý kiến về một số hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

+ Về quản lý tài khoản thu chi tiền, quản lý tiền gửi tại các ngân hàng; các khoản công nợ, chú ý nợ phải trả có tỷ trọng lớn, lập và kiểm soát dòng tiền;

+ Về công tác lập, trình duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch, xem xét các báo cáo định kỳ tuần, tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và năm về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính;

+ Các kết luận giao ban, sổ ghi chép họp HĐQT;

+ Xem xét giúp báo cáo những vấn đề liên quan đến tổ chức thực hiện phương án kinh doanh dịch vụ năm 2018 tại Trung tâm Đại Quang Minh;

+ Xem xét các thương vụ kinh doanh nhập acquy bán nội địa;

+ Hướng dẫn, tư vấn hỗ trợ Công ty trong việc lập phương án tài chính đối với việc tái cơ cấu tài sản tại 30-36 Phan Bội Châu;

+ Xem xét, trao đổi và có ý kiến về nhận dạng và phòng ngừa các rủi ro có khả năng xảy ra trong các mặt hoạt động của Công ty.

- Ban Kiểm soát được lãnh đạo Công ty tạo điều kiện làm việc, được tiếp cận các tài liệu, chứng từ tại văn phòng cũng như các đơn vị để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Ban.

II. Tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính năm 2018

1. Về kết quả hoạt động kinh doanh - Đvt: đồng

CHỈ TIÊU		Năm 2017	Năm 2018	So sánh
1		2	3	4=3/2
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	127.839.573.491	97,044,933,116	75.91%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	127.839.573.491	97,044,933,116	75.91%
4.	Giá vốn hàng bán	93.846.068.986	59,083,147,760	62.96%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.993.504.505	37,961,785,356	111.67%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	1.933.182.817	2,358,578,979	122.00%
7.	Chi phí tài chính ('Chi phí lãi vay': không)	3.696.889.176	3,643,674,763	98.56%
8.	Chi phí bán hàng	697.919.053	483,753,362	69.31%
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.732.564.460	21,995,488,493	111.47%
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11.799.314.633	14,197,447,717	120.32%
11.	Thu nhập khác	123.678.909	356,456,364	288.21%
12.	Chi phí khác	22.455.867	-	0.00%
13.	Lợi nhuận khác	101.223.042	356,456,364	352.15%
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.900.537.675	14,553,904,081	122.30%
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.428.532.003	3,113,471,119	128.20%
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(145,530,303)	
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh			122.33%

	ngiệp	9.472.005.672	11,585,963,265	
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.220	3,939	122.33%
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.220	3,939	122.33%

2. Về tình hình tài chính (Bảng cân đối kế toán năm 2018) - Đvt: đồng

Số tt	TÀI SẢN	Số đầu năm	Số cuối năm	So sánh
	1	2	3	4=3/2
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	36.551.007.159	42,769,875,051	117.01%
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	4.362.912.096	5,390,728,859	123.56%
1.	Tiền	4.362.912.096	5,390,728,859	123.56%
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.540.000.000	32,000,000,000	125.29%
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	25.540.000.000	32,000,000,000	125.29%
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.484.862.329	3,412,989,321	97.94%
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.348.717.377	2,403,667,536	178.22%
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.486.792.125	-	
3.	Phải thu ngắn hạn khác	769.352.827	1,129,321,785	146.79%
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(120.000.000)	(120.000.000)	100.00%
IV.	Hàng tồn kho	3.163.232.734	1.966.156.871	62,16%
1.	Hàng tồn kho	3.205.247.684	1.966.156.871	62,16%
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(42.014.950)		
V.	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	82.455.765.015	79.271.882.675	96,14%
I.	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	
II.	Tài sản cố định	1.458.306.383	2.755.808.508	188,97%
1.	Tài sản cố định hữu hình	1.458.306.383	2.755.808.508	188,97%
	- Nguyên giá	3.584.995.278	4.651.354.993	129,75%
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(2.126.688.895)	(1.895.546.485)	89,13%
III.	Bất động sản đầu tư	80.270.142.543	75.643.227.775	94,24%
	- Nguyên giá	116.360.630.453	116.360.630.453	100,00%
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(36.090.487.910)	(40.717.402.678)	112,82%
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	727.316.089	727.316.089	100,00%
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	727.316.089	727.316.089	100,00%
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	
VI.	Tài sản dài hạn khác		145.530.393	
	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		145.530.393	
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	119.006.772.174	122.041.757.726	102,55%

Số tt	NGUỒN VỐN	Số đầu năm	Số cuối năm	So sánh
	1	2	3	4=3/2
C.	NỢ PHẢI TRẢ	72.963.132.160	69.574.483.113	95,36%
I.	Nợ ngắn hạn	16.567.135.333	17.715.753.953	106,93%
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	4.131.819.523	2.838.098.896	68,69%

2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.087.418.352	1.564.705.087	74,96%
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.513.539.077	6.842.116.425	151,59%
4.	Phải trả người lao động	1.040.022.573	272.133.173	26,17%
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	2.759.091	4.400.000	159,47%
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.046.274.729	2.530.210.226	123,65%
7.	Phải trả ngắn hạn khác	2.206.073.987	3.163.083.602	143,38%
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	539.228.001	501.006.544	92,91%
II.	Nợ dài hạn	56.395.996.827	51.858.729.160	91,95%
1.	Phải trả dài hạn khác	56.395.996.827	51.858.729.160	91,95%
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	46.043.640.014	52.467.274.613	113,95%
I.	Vốn chủ sở hữu	46.043.640.014	52.467.274.613	113,95%
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	25.000.000.000	25.000.000.000	100,00%
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	25.000.000.000	25.000.000.000	100,00%
2.	Thặng dư vốn cổ phần	4.210.000.000	4.210.000.000	100,00%
3.	Quỹ đầu tư phát triển	7.735.833.303	14.394.429.630	186,07%
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.097.806.711	8.862.844.983	97,42%
	- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	4.493.802.456	2.673.372.535	59,49%
	- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	4.604.004.255	6.189.472.448	134,44%
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	119.006.772.174	122.041.757.726	102,55%

3. Phân tích các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

3.1. Kết quả kinh doanh, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 Đại hội đồng cổ đông giao (Đvt: đồng)

Các chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	%TH 2018 so KH 2018	%TH 2018 so TH 2017
I. Tổng doanh thu	Tr.đ	129.895	101.200	99.760	98,58	76,80
1- Doanh thu thương mại	Tr.đ	90.398	59.447	55.333	93,08	61,21
2- Doanh thu dịch vụ	Tr.đ	37.440	40.153	41.712	103,88	111,41
3- Doanh thu tài chính, khác	Tr.đ	2.057	1.600	2.715	169,69	131,99
II. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	11.901	13.000	14.554	111,95	122,30
III. Thuế & các khoản phải nộp ngân sách NN	Tr.đ	21.232	22.000	24.437	111,08	115,10

- **Tổng doanh thu** (gồm Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ; Doanh thu hoạt động tài chính; Thu nhập khác) thực hiện năm 2018 đạt 98,58% KH

2018, giảm 23,20% so với năm 2017; trong đó kinh doanh thương mại thực hiện năm 2018 giảm 38,79% và kinh doanh dịch vụ năm 2018 tăng 11,41% so với năm 2017.

- **Lợi nhuận trước thuế** thực hiện năm 2018 đạt 111,95% KH 2018, tăng 22,30% so thực hiện năm 2017.

- **Cổ tức bằng tiền:** Cổ tức Kế hoạch năm 2018 là 10% vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ (2 tỷ 500 triệu), đã chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền đợt 1 và đợt 2 (8% tương đương 2 tỷ). Sẽ tiếp tục chi trả cổ tức đợt cuối của năm 2018 (2% tương đương 500 triệu) từ ngày 18/04/2019 theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐQT.

- **Tổng quỹ lương** đã trích 7,5 tỷ đồng, bằng 104,24% so kế hoạch 7,2 tỷ Nghị quyết ĐHĐCĐ giao (Mức trích này thấp hơn nhiều so với mức tăng của lợi nhuận trước thuế)

- **Lãi cơ bản trên cổ phiếu:** thực hiện năm 2018 là 3.939 đồng 1 cổ phần, tăng 22,33% so thực hiện năm 2017;

Như vậy, về cơ bản các chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động kinh doanh năm 2018 của Công ty đều có sự tăng trưởng so thực hiện năm 2017.

3.2. Về tài sản và nguồn vốn

3.2.1. Tổng tài sản cuối năm 2018: 122 tỷ đồng; tăng 3 tỷ đồng so cuối năm 2017, tăng 2,55%; Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn 42,77 tỷ đồng, tăng 17,01%, mức tăng 6,22 tỷ đồng, trong đó:

+ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi với số tiền 32 tỷ đồng, tăng 6,46 tỷ đồng so cuối năm 2017; các khoản tiền gửi có nhiều kỳ hạn, gửi tại nhiều chi nhánh ngân hàng với nhiều mức lãi suất khác nhau.

+ Các khoản phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho đều giảm.

- Tài sản dài hạn 79,27 tỷ đồng, giảm 3,86%, mức giảm 3,18 tỷ đồng, chủ yếu giảm do khấu hao bất động sản đầu tư.

3.2.2. Tổng nguồn vốn cuối năm 2018: 122 tỷ đồng; tăng trưởng tổng nguồn vốn cuối so cuối năm 2017 như mức tăng trưởng tổng tài sản nêu trên; trong đó:

- Vốn chủ sở hữu cuối năm 2018 tăng lên 52,46 tỷ đồng, tăng 13,95%, mức tăng 6,42 tỷ đồng (năm 2017: tăng 13,71%, mức tăng 5,55 tỷ đồng); giá trị sổ sách 1 cổ phần tăng tương ứng là 13,95%, đạt 20.987 đồng/ 1 cp. Trong đó, mức tăng của:

+ Quỹ đầu tư phát triển tăng 86,07% (tăng mạnh do chuyển từ quỹ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 5,5 tỷ đồng và trích từ lợi nhuận sau thuế);

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 2,58% (do chuyển sang Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 5,5 tỷ đồng).

- Nợ phải trả giảm còn 69,57 tỷ đồng, giảm 4,64%, mức giảm 3,39 tỷ đồng, trong đó (nợ ngắn hạn tăng 6,93% và nợ dài hạn giảm mạnh 8,05%). Đáng chú ý đối với nợ phải trả thì Công ty không có khoản nợ vay nào.

3.3. Các tỷ suất và hệ số tài chính năm 2018

- Tỷ suất lợi nhuận (=Lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu)= 11,61%; tăng mạnh so với mức thực hiện năm 2017 (7,29%);

- Hệ số sinh lợi vốn chủ sở hữu (=Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu)= 22,28%, tăng hơn mức thực hiện năm 2017 (20,57%);

- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn: Hệ số này cho thấy Công ty có bao nhiêu tài sản ngắn hạn có thể chuyển đổi để đảm bảo thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số này từ 1 trở lên là tốt.

Hệ số này (=Tài sản ngắn hạn/Nợ phải trả ngắn hạn)= 2,41 (lần); tăng so với mức thực hiện năm 2017 (2,21 lần).

- Hệ số thanh toán nhanh nợ ngắn hạn: Hệ số này là hệ số thanh toán nợ ngắn hạn nhưng trong tài sản ngắn hạn thì không tính hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác. Hệ số này từ 0,5 trở lên là tốt.

Hệ số này (=Tài sản ngắn hạn không hàng tồn & tài sản ngắn hạn khác/Nợ phải trả ngắn hạn)= 2,3 (lần); tăng so với mức thực hiện năm 2017 (2,02 lần).

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

Hệ số (=Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu)= 1,33 (lần); giảm so với mức thực hiện năm 2017 (1,58 lần). Hệ số này giảm phản ánh tình hình các khoản đầu tư của các đối tác góp vốn vào Công ty trước đây để thực hiện dự án đã giảm dần qua các năm (do Công ty thực hiện thanh toán hoàn trả vốn từ nguồn khấu hao tài sản cố định của dự án) và phản ánh tính hiệu quả của các dự án đầu tư của Công ty.

Kết luận: Với kết quả kinh doanh, tình hình tài sản, nguồn vốn và các tỷ suất, hệ số trên cho thấy trong năm 2018 tình hình kinh doanh đạt hiệu quả, có tích lũy và tình hình tài chính Công ty luôn lành mạnh, có chiều hướng phát triển tốt hơn so với năm 2017.

III. Về hoạt động Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty

1. Hội đồng quản trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2018 đã thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của mình trong phạm vi các quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm 2018; hoàn thành Nghị quyết, Biên bản Đại hội gọi các cổ đông Công ty.

- Các thành viên HĐQT đã hoạt động tích cực, trách nhiệm cao, tham gia ý kiến và quyết định những hoạt động quan trọng của Công ty về dự báo và đưa ra các định hướng, chủ trương cho Ban Điều hành Công ty để tổ chức thực hiện, về cơ chế hoạt

động và một số vấn đề kinh doanh khác, về quản trị rủi ro và quản trị Công ty hoàn thành tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (kết quả nêu trên).

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp bất thường, định kỳ theo quy định với sự tham gia của Ban Kiểm soát, Ban Điều hành để đưa ra những định hướng, những chủ trương nhằm mục tiêu thực hiện những việc phát sinh và hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2018.

- Hội đồng quản trị đã giám sát các hoạt động của Ban điều hành trong tổ chức quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh; đôn đốc Ban Điều hành xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm, kế hoạch từng quý nhằm hoàn thành những chỉ tiêu mà Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, giữa Ban Điều hành và các Bộ phận, Phòng Ban của Công ty nhằm đưa Công ty ngày càng hoạt động ổn định và phát triển.

Ban Kiểm soát đánh giá cao vai trò của Hội đồng quản trị trong việc thực hiện trách nhiệm của mình trước cổ đông, trước người lao động và Công ty trên cơ sở tuân thủ đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2. Đối với Ban Điều hành

- Ban Điều hành Công ty và các cán bộ quản lý từng Phòng, Ban đã tuân thủ theo đúng pháp luật, các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ, quy chế quy định quản lý kinh doanh, tài chính nhằm triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị, đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu năm 2018 mà Đại hội đồng cổ đông giao, kinh doanh có hiệu quả, tăng cường tích lũy, phát triển vốn, tài chính Công ty luôn lành mạnh.

- Công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển. Ban Điều hành luôn thận trọng trong các hoạt động nhằm nhận dạng, kiểm soát và hạn chế rủi ro.

- Công tác hạch toán kế toán Công ty đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, công tác quản lý và dự báo dòng tiền Công ty được nâng lên, góp phần nâng cao hiệu quả công tác điều hành và quản trị Công ty.

- Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 được Hội đồng quản trị thông qua; Báo cáo kiểm toán đã nêu “phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty”.

- Các số liệu về tài chính, về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đã được Hội đồng quản trị báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông là xác thực, đúng với kết quả đạt được của Công ty và đã được kiểm toán bởi các Công ty kiểm toán độc lập.

- Ban Điều hành luôn tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

- Ban Kiểm soát nhận thấy Ban điều hành rất quan tâm việc quản lý, điều hành Công ty, khắc phục những khó khăn tồn tại, tận dụng những thế mạnh để tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh nhằm hoàn thành những mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã đề ra.

Trong năm 2018, với sự hỗ trợ và tạo điều kiện của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban điều hành, Ban Kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn theo quy định; có sự đồng thuận cao trong các đánh giá, kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông, Ban điều hành và các báo cáo trình bày trước Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty.

IV. Những kiến nghị

1. Về đầu tư dự án, sửa chữa nâng cấp tài sản:

- Đối với các bất động sản đầu tư của Công ty, đề nghị Công ty tiếp tục **đẩy nhanh hơn việc** hoàn thiện đầy đủ các hồ sơ pháp lý theo quy định cho các tài sản này nhằm có cơ sở để ghi nhận giá trị các khoản mục đầu tư tại các dự án này.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện, Công ty phải thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật nhà nước về đất đai, đầu tư xây dựng dự án và Điều lệ của Công ty.

2. Về quản lý các rủi ro có thể phát sinh:

Phát huy những mặt mạnh, những thành quả đã đạt được các năm qua, đề nghị Công ty tiếp tục tăng cường công tác quản lý rủi ro, cần chú ý các rủi ro như:

2.1. Trong kinh doanh, nhất là triển khai kinh doanh những ngành hàng mới: tiếp tục thận trọng trong quản lý tiền hàng, tìm hiểu kỹ đối tác để tránh công nợ phải thu khó đòi hoặc không có khả năng thu hồi. Hoạt động thương mại xuất nhập khẩu không để xảy ra gian lận thương mại, gian lận thuế và cần phòng ngừa rủi ro về tỷ giá;

2.2. Trong đầu tư dự án: quản lý chặt chẽ chi phí đầu tư, tiếp tục thực hiện giải pháp chia sẻ chi phí tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước với đối tác hợp tác trong trường hợp tăng chi phí thuê đất.

2.3. Về Kết luận của Kiểm toán Nhà nước theo Thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty CP Thương Mại Dịch Vụ Sài Gòn số 68 /TB – KV IV ngày 17/01/2019 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV:

- Thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước;

- Đối với “phần nộp khác sau kiểm toán với số tiền 924.434.176 đồng” là phần nộp lợi nhuận còn lại đối với các bất động sản chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như :84 Lê Lợi, quận1; 14 Lưu Văn Lang, quận1 và 229 Tùng Thiện Vương, quận 8;

Vậy, Công ty cần có giải pháp để tránh không bị truy thu tương tự nộp Nhà nước như trên trong thời gian tới.

2.4. Về quản lý các khoản tiền gửi, Ban Điều hành cần chú ý quản lý rủi ro sau:

Với số tiền 32 tỷ đồng (là khoản tài sản có tỷ trọng lớn của Công ty), Công ty gửi có nhiều kỳ hạn, gửi tại nhiều chi nhánh ngân hàng với nhiều mức lãi suất khác nhau; tuy nhiên, vẫn còn một số hợp đồng hay thỏa thuận tiền gửi thể hiện chưa có hoặc chưa ghi giấy ủy quyền ký của Ngân hàng cho Giám đốc chi nhánh ngân hàng; mặt khác, cần nâng cao tỷ trọng tiền gửi này vào các ngân hàng có vốn Nhà nước chi phối.

2.5. Các rủi ro khác về phòng chống cháy nổ, những rủi ro có thể phát sinh liên quan đến sự thay đổi của pháp luật, về công tác bảo mật, công bố thông tin, ...

2.6. Các rủi ro là hiện hữu trong toàn bộ các mặt hoạt động trong việc thực hiện mục tiêu của từng doanh nghiệp trong cơ chế thị trường, do đó cần thiết thành lập một bộ phận chuyên trách về quản lý rủi ro cho Công ty.

3. Về chiến lược phát triển Công ty trong giai đoạn tới

Chiến lược kinh doanh trong giai đoạn qua được các kỳ Đại hội đồng cổ đông thông qua, nhất là định hướng chiến lược của các cổ đông lớn của Công ty đã mang đến sự phát triển vượt bậc; tuy nhiên, hiện nay đang có dấu hiệu chậm lại.

Trong tình hình mới, với sự thay đổi mạnh mẽ và ngày càng nhanh chóng, với nhiều cơ hội và không ít những khó khăn thách thức, đề nghị Công ty sớm triển khai chiến lược phát triển Công ty trong giai đoạn tới trình Đại hội đồng cổ đông, trong đó xác định sứ mệnh tầm nhìn và mục tiêu của Công ty, cần tập trung giải pháp về tổ chức, nhân sự, về định hướng đầu tư, về vốn, về thị trường, ... qua đó đưa Công ty phát triển lên tầm cao mới.

Kính thưa Đại hội, trong năm 2018 với sự hỗ trợ tích cực và tạo điều kiện của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người lao động trong Công ty đã giúp Ban Kiểm soát thực thi nhiệm vụ trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

Qua báo cáo, đánh giá nêu trên, Ban Kiểm soát nhận thấy đã hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội cổ đông giao.

Xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm, sự hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người lao động của Công ty trong năm qua giúp cho Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Chân thành cảm ơn Đại hội. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- DHDCE;
- HĐQT;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Thành viên BKS;

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Ngọc Toàn